

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÓA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09/5/2018

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÓA**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Châu Thị Khấp.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Duẩn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 09 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 148/2017/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Ông Hồ Công T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp N, xã TĐ, huyện T, tỉnh Long An.

(Bà Đ có mặt, ông T vắng mặt không có lý do đã được triệu tập hợp lệ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu khởi kiện: Bà Đ và ông T sau thời gian tự tìm hiểu rồi tiến đến hôn nhân có làm lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào năm 2009. Sau khi kết hôn bà Đ về nhà cha mẹ chồng làm dâu được một năm, đến tháng 05 năm 2010 thì bà Đ và ông T chuyển về bên cha mẹ ruột của bà Đ sống. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ, chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai bên không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, hai vợ chồng không thống nhất được các vấn đề

trong cuộc sống gia đình và trong việc làm ăn kinh tế. Sau khi không nghe lời bà Đ khuyên dẫn đến làm ăn thất bại gây nên nợ nần thì ông T cùng với cha mẹ ông T mặc cảm nên đã bỏ về quê tại ấp N, xã TĐ, huyện T, tỉnh Long An sống bỏ mặc mẹ con bà Đ không quan tâm chăm sóc nên bà Đ và ông T đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Từ khi ly thân cho đến nay đã 06 năm ông T không hề quan tâm, thăm nom, chăm sóc con và cũng không cùng bà hàn gắn tình cảm vợ chồng, đã thế khi bà Đ đặt vấn đề ly hôn và báo cho gia đình ông T biết vào tháng 5 năm 2017 thì ông T thờ ơ không quan tâm và sau đó bỏ đi khỏi nơi cư trú và giấu không cho bà Đ biết nơi ở mới để né tránh bà Đ.

Nay bà Đ thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, bà Đ không còn tình cảm với ông T, tình cảm gia đình không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu được ly hôn với ông Hồ Công T.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Hồ Công T có 01 con chung tên Hồ Hoàng Gia B, sinh ngày 11/11/2011; giới tính: Nam. Hiện nay con chung tên Gia B do bà Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Hồ Công T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ cho ông T các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông T không gửi văn bản nêu ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ, đồng thời ông T cũng không hợp tác và không đến để giải quyết vụ án theo lịch triệu tập của Tòa án, do đó Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ và vụ án không tiến hành hòa giải được.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

Tài liệu, chứng cứ do bà Nguyễn Thị Đ cung cấp:

- 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa bà Nguyễn Thị Đ với ông Hồ Công T, Bản phô tô Sổ hộ khẩu, Chứng minh nhân dân của bà Đ, bản sao giấy khai sinh của Hồ Hoàng Gia B, bản tự khai ngày 17/11/2017 của bà Đ.

Tài liệu, chứng cứ do ông Hồ Công T cung cấp: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Hồ Công T chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào năm 2009, nên hôn nhân là hợp pháp theo quy định tại Khoản 5 Điều 3, Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết*: Bị đơn ông Hồ Công T có hộ khẩu thường trú tại ấp N, xã TĐ, huyện T, tỉnh Long An, tuy nhiên theo xác nhận ngày 08/08/2017 thì tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn ông Hồ Công T không có mặt tại nơi cư trú, nhưng theo bà Đ trình bày thì vào tháng 5 năm 2017 khi bà Đ thông báo cho ông T cùng gia đình ông T biết việc bà sẽ ly hôn với ông T thì ông T đã bỏ đi khỏi nơi cư trú và dấu không cho bà Đ biết nơi ở mới. Việc ông T bỏ đi khỏi nơi cư trú mà không thông báo với nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC, việc ông T không thông báo cho nguyên đơn địa chỉ nơi cư trú, làm việc mới được coi là cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án tiến hành giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự bà Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn ông T, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa.

[3] *Về tố tụng*: Do ông T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không vì sự kiện bất khả kháng nên Tòa án áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T.

[4] *Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ*:

[4.1] *Về tình tiết mâu thuẫn dẫn đến ly hôn*: Nguyên nhân chính dẫn đến đời sống hôn nhân của vợ chồng bà Đ không hạnh phúc dẫn đến bà yêu cầu ly hôn với ông T theo bà Đ trình bày là bà và ông T bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, hai vợ chồng không thống nhất được các vấn đề trong cuộc sống gia đình và trong làm ăn kinh tế. Ông T không nghe lời bà Đ khuyên, không bàn bạc với bà Đ mà tự ý quyết định tất cả các vấn đề dẫn đến làm ăn thất bại, gây nên nợ nần rồi ông Đ mặc cảm, tự ái và bỏ nhà ra đi bỏ mặc mẹ con bà không quan tâm chăm sóc. Qua lời trình bày của bà Đ trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên Tòa hôm nay cho thấy mâu thuẫn mà bà Đ yêu cầu ly hôn với ông T là đúng như lời bà Đ trình bày, vì sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã thông báo cho ông T biết về yêu cầu khởi kiện của bà Đ đồng thời triệu tập ông T đến để hòa giải đoàn tụ cho vợ chồng ông, nhưng ông T không đến Tòa để tham gia hòa giải và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ

và cũng không đến để giải quyết vụ án theo lịch triệu tập có nghĩa là ông T thừa nhận những gì bà Đ trình bày là đúng.

[4.2] Về thời gian ly thân, khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng và tính chất mâu thuẫn trong hôn nhân: Bà Đ và ông T đã ly thân nhau trong thời gian dài từ tháng 6 năm 2012 cho đến nay hai bên không hàn gắn lại được, cả hai bên đều có cuộc sống riêng của mình, không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, bà Đ và ông T bỏ mặc nhau muốn sống sao thì sống nên khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng để đoàn tụ là không còn. Qua khả năng hàn gắn tình cảm đó cho thấy, mâu thuẫn giữa bà Đ và ông T là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của bà Đ nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ xử cho bà Đ được ly hôn với ông T là hợp lý theo khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Đ với ông T có một con chung tên Hồ Hoàng Gia B, sinh ngày 11/11/2011; giới tính: Nam. Con chung Hồ Hoàng Gia B hiện đang sống ổn định với bà Đ, từ khi bà Đ và ông T ly thân đến nay cháu Gia B do bà Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu phát triển tốt, đảm bảo đầy đủ các quyền lợi của trẻ, khi ly hôn bà Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Ông T vắng mặt và không có ý kiến nào phản bác đối với đề nghị của bà Đ về việc nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung của bà Đ. Bà Đ không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông T vắng mặt và không có ý kiến gì nên xem như không có tranh chấp hay yêu cầu giải quyết gì nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[7] Về án phí: Theo quy định của Luật phí, lệ phí và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 20 Luật phí, và lệ phí; điểm a, Khoản 5, điểm b Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Đ đối với ông Hồ Công T.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Đ được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Hồ Hoàng Gia B, sinh ngày 11/11/2011. Ông Hồ Công T không phải cấp dưỡng nuôi con. Con chung hiện đang sống với bà Đ.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Đ xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đ phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà Đ đã nộp theo biên lai thu số 0003706 ngày 02/10/2017 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa sang án phí để thi hành.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Nguyễn Thị Đ có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Hồ Công T vắng mặt được

quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Long An giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thạnh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Hóa;
- UBND xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đã ký

Phan Đình Ngân